

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9	7:25	22	0		22	0	
2		P5+P10+P11	7:25	6+9+7	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
3		P1+SAVR+RP2	7:25	10+11+0	0+0+0		7+3+12	0+0+0	
4		BK10+TD3+BK3	9:25	10+6+4	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
5		P11+P1+RP2	9:25	8+11+0	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
6		P10+P2	9:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
7		P2+P9	11:25	14+8	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày P9 - 4 người



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2025	TO: P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHANG - SON - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P9	29	1	4		74	D-HANH	Vietnamese
2	TRAN TRONG TIEN	P9	25	1	19		78	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VAN MANH	P9	26	1	14		61	KHOAN	Vietnamese
4	VASYANKIN A.	P9	24	1	12		119	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN MANH HUNG	P9	05-06	2	18		81	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO DUC MINH	P9	15	1	5	10	73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN THANH HAI	P9	24	1	4	20	83	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MANH THANG	P9	13	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGOC THAN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE MINH THUY (15598)	P9	0				71	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN QUOC VIET	P9	21	1	8		97	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU MINH HUNG	P9	12	1	3		89	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN KHOA TRUONG	P9	27	1	6		77	NIPI	Vietnamese
14	PHAN VAN THINH	P9	20	1	5		72	NIPI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HIEU	P9	22-23	2	11		70	YTE	Vietnamese
16	LE MINH THUY (5406)	P9	18	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
17	TÀ TIEN MANH	P9	17	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO AN CHUNG	P9	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET CUONG	P9	01	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ SĨ BÌNH	P9	14	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN BANG	P9	19	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN DUNG	P9	28	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	22	146	1.664	30	22		
TOTAL		22	22	146	1.664	30	22		
WEIGHT KG				146	1.664	30			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2025	TO: P5 - P10 - P11	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LHM - MTHAO - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI TRỌNG NHÂN	P5	07-08	2	14	2	30	63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC DANH	P5	09-10	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY DUƠNG	P5	11	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ QUỐC KHAI	P5	04-05	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN SỸ ANH TŨ	P5	02	1	10	1	17	67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CHU	P5	06	1	12			62	XAYLAP	Vietnamese
7	KLỘC	P10	46	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ BAO AN	P10	43	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KHOA	P10	45	1	5	1	20	71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHUNG ĐẠI DUƠNG	P10	44	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	40	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	42	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CƯ	P10	47	1	10	1	14	70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P10	39	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH HAI	P10	41	1	4			68	KH THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUY HA	P11	96-98	3	19			83	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	95	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO DUY KHIÊM	P11	91-92	2	9			68	YTE	Vietnamese
19	TRẦN THIỆN THÀNH	P11	393	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VIỆT DŨNG	P11	93	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	94	1	6	2	30	59	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NHAN	P11	99	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	6	389	9	82	3	47	0		
2	P10	9	656	9	63	2	34	13		
3	P11	7	496	10	53	2	30	9		
TOTAL		22	1.541	28	198	7	111	22		
WEIGHT KG			1.541		198		111			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2025	TO: P1 - SAVR - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPHÚ - THÀNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P1						76	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN DOANH	P1						72	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THÀNH	P1	53-54	2	8			55	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN LÊ KIẾN	P1	55	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NAM	P1	27	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P1	56	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM THE CHUYỀN	P1	56,26	2	9			65	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÔNG VĂN THỊNH	P1	59-60	2	14			88	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUYNH	P1	57	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHAT QUANG	P1	58	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM (KS)	SAVR	87	1	15			79	DVL	Vietnamese
12	HOANG BA THANG	SAVR	85-86	2	23			61	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VINH KHA	SAVR	88	1	10			70	DVL	Vietnamese
14	PHẠM NHƯ SANG	SAVR	90	1	14	2	31	66	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN DUY TIEN	SAVR	91	1	11	2	37	75	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN MẠNH CƯỜNG	SAVR	89	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH HÙNG	SAVR	93-94	2	21			77	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ TU KHA	SAVR	95-96	2	21			80	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG THAI TAI	SAVR	92	1	9			70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TUẤN	SAVR	97-98	2	17			54	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁC SƠN	SAVR	99,900	2	17			90	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	10	704	11	61	0	0	7		
2	SAVR	11	797	16	168	4	68	3		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		21	1.501	27	229	4	68	22		
WEIGHT KG			1.501		229		68			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2025	TO: BK10 - TD3 - BK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VTHĂNG - SON - HUY	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN CONG TAN	BK10	56	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO TUAN HUNG	BK10	59	1	4	1	15	56	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG VU	BK10						84	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG GIANG	BK10	57	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
5	MULNIUCHKIN V.V	BK10	52	1	15			95	DVL	Russian
6	USATENKO DMITRII	BK10	51	1	14			99	DVL	Russian
7	LE VAN THANG	BK10	55	1	13			78	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEU	BK10	58	1	13			90	DVL	Vietnamese
9	TRAN CONG CHIEN	BK10	53	1	13			81	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN THANH SON	BK10	54	1	3			70	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN ĐANG	TD3	01-02	2	9			82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO ĐANG ĐUC	TD3				1	11	70	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN SUU	TD3	06	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
14	LE TAN	TD3	03	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
15	VU TUAN ANH	TD3	04-05	2	24			79	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM XUAN MANH	TD3	25	1	8			67	PSV	Vietnamese
17	HOANG VAN THAI	BK3	33	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
18	VU XUAN THUY	BK3	32	1	6	4	65	68	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU QUYNH AN	BK3	31	1	5			100	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	BK3	76	1	6			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK10	10	814	9	87	1	15	6		
2	TD3	6	451	7	57	1	11	6		
3	BK3	4	302	4	22	4	65	10		
TOTAL		20	1.567	20	166	6	91	22		
WEIGHT KG			1.567		166		91			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2025	TO: P11 - P1 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LHM - MTHAO - HTNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	75	1	8			105	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	78	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HÙNG	P11	76	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KHAN	P11	73	1	7			72	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN HẢI TRUNG	P11	72	1	4			71	PSV	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC THUẬN	P11	74	1	7			77	PSV	Vietnamese
7	THAI VIỆT PHI	P11	79	1	8			66	PSV	Vietnamese
8	LÊ XUÂN ĐAM	P11	77	1	3			63	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	P1	73	1	14			79	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TUYẾN	P1				5	85	62	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGOC TU	P1	65	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HOA	P1	61	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH TRUNG NGHĨA	P1	63	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
14	DƯƠNG QUỐC VIỆT	P1	66	1	8			61	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN TRINH QUỐC VƯƠNG	P1	74	1	13			74	KHOAN	Vietnamese
16	TÔNG VĂN THE	P1	67	1	13			81	SCHLUMBE	Vietnamese
17	ĐO MINH HOANG	P1	64	1	17			74	DVL	Vietnamese
18	TRƯƠNG QUYẾT THANG	P1	62	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	8	587	8	47	0	0	7		
2	P1	10	724	8	78	5	85	9		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		18	1.311	16	125	5	85	22		
WEIGHT KG			1.311		125		85			

GRAND TOTAL: 1.521 KGS + 13 kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2025	TO: P10 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPHÚ - THÀNH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN PHAN PHI	P10	61-63	3	18	5	90	64	YTE	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC BA	P10	50	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ BẢO TRUNG	P10	60	1	4			89	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC THANH	P10	39	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN GIÁP	P10	51	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	59	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	48-49	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	47	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	43	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHI HIỆU	P10	40	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	46	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC CUÔNG	P10	52	1	16			55	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	58	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P10	54-55	2	11			58	VẠN VIỆT	Vietnamese
15	LÊ VĂN KHANH	P10	53	1	7			68	VẠN VIỆT	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	P10	57	1	5			53	VẠN VIỆT	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HẬU	P10	56	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THAI	P10	35-36	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN PHÚC	P10	37-38	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGÔ ĐỨC THUẬN	P10	44-45	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN LƯU	P10	41	1	6			53	PSV	Vietnamese
22	TRẦN QUANG HUY	P10	42	1	7			87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	22	1.527	29	187	5	90	17		
2	P2	0	0	0	0	1	20	5		
TOTAL		22	1.527	29	187	6	110	22		
WEIGHT KG			1.527		187		110			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2025	TO: P2 - P9	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - NPHU - THANH	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH HAI	P2	29-30	2	16		62	KH-THAC	Vietnamese
2	LE ANH TU	P2	35-36	2	13		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUC HOANG HAI	P2	33	1	13		87	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THANH LONG	P2	32	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	VO ANH NGOC	P2	25-26	2	16		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DO	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG TRỌNG THAO	P2	28	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	23	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐÌNH QUẢN	P2	34	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN TRUNG	P2	27	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU BAO	P2	22	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
13	LE CONG LUU	P2	31	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN GIANG	P2	24	1	3		63	PSV	Vietnamese
15	VU DINH THUAN	P9	03	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
16	MA ANH TIT	P9	01	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
17	HO NAM TRUNG	P9	26,53	2	7		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CAO CHI	P9	54	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGHIEM ANH THANH	P9	57-58	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HAI	P9	49	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN TUNG	P9	41	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
22	NGHIEM ANH VU	P9	02	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	15	119	1.013	0	12		
2	P9	8	10	53	557	0	10		
TOTAL		22	25	172	1.570	0	22		
WEIGHT KG				172	1.570	0			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN